TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2020.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thành Nghề**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. **Ông Nguyễn Thành Thật**.
2. **Bà Vũ Thị Đào**.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Bà **Thị Xà Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2020/TLST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2020 về: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Danh Hoài H – sinh năm 1996. Có mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị M, sinh năm 1997. Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn anh Danh Hoài H như sau: Anh kết hôn với chị Trương Thị M vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang, năm 2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc được thời gian 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, sau đó vợ anh bỏ đi cho đến nay. Anh chị đã ly thân từ năm 2019. Sau thời gian sống ly thân với nhau anh xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn

được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị M.

Thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Danh Hoài A, sinh ngày 01/9/2016 và Danh Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2018. Hiện nay hai con đang sống với anh H.

Vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên anh không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Anh cam đoan vợ chồng không có tranh chấp nợ chung với ai nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng anh ly hôn mà có người kiện vợ chồng anh đòi nợ chung thì anh hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Danh Hoài H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị M. Về con chung: Anh xin được nuôi hai con Danh Hoài A, sinh ngày 01/9/2016 và Danh Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2018, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị M đã được Tòa án thông báo tìm chị trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi chị có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng chị M không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của anh Danh Hoài H và chị Trương Thị M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trương Thị M là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện, tuy nhiên hiện nay chị Trương Thị M vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179

và Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Danh Hoài H và chị Trương Thị M kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, mặc dù không tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 212 ngày 15 tháng 11 năm 2018, như vậy hôn nhân của anh H và chị M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của anh H và chị M là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi chung sống anh chị chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp, anh H cho rằng vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau và chị M đã bỏ đi không chung sống với anh từ năm 2019 đến nay. Ngày 03/4/2020 và ngày 21/4/2020 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng chị M không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của chị M, tại phiên tòa anh H cương quyết xin ly hôn với chị M. Xét thấy vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau hơn một năm, thời gian ly thân chị M cũng không lo lắng cho anh H và 02 con mặc dù hai cháu còn rất nhỏ cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị M.

[4]. Về con chung: Anh H và chị M có 02 người con chung tên Danh Hoài A, sinh ngày 01/9/2016 và Danh Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2018. Hiện hai cháu vẫn đang sống ở xã Thới Quản với anh H. Anh H xin được quyền nuôi 02 con còn chị M không có ý kiến nộp cho Tòa án. Tại biên bản xác minh tại ấp T, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang chính quyền địa phương cũng xác định hai cháu hiện được sống chung với anh H phát triển tốt nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh H.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Anh Danh Hoài H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008798, ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Danh Hoài H.

Về hôn nhân: Xử cho anh Danh Hoài H được ly hôn chị Trương Thị M.

Về con chung: Giao hai cháu Danh Hoài A, sinh ngày 01/9/2016 và Danh Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2018 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản chị M thực hiện quyền này.

Anh chị có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Danh Hoài H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008798, ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nghề